

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÁ THƯỚC  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 108 /2021/HNGĐ-ST

Ngày 15 tháng 6 năm 2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC TỈNH THANH HÓA**

**-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Quyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thanh Thùy

2. Bà Nguyễn Thị Huyền

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Thị Nhung - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bá Thước.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước tham gia phiên tòa:** Bà Nhữ Thị Hương– Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 58/2021/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXX-ST ngày 26 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021.

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Đ ; Sinh năm 1992 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn ST, xã TT, huyện BT, tỉnh TH.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Văn N ; Sinh năm 1993 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn ST, xã TT, huyện BT, tỉnh TH.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án chị Đoàn trình bày:*

Về hôn nhân: Chị Đ và anh N tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có tổ chức theo phong tục tập quán và tự nguyện đi đăng ký kết hôn ngày 20/02/2013 tại

UBND xã Lương Trung. Sau khi chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn và xảy ra mâu thuẫn. Theo chị Đ nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn, không hợp nhau là do anh N không chịu làm ăn, vun đắp cho gia đình. Vợ chồng đã ly thân một thời gian, hai bên gia đình khuyên giải rồi vợ chồng quay về đoàn tụ được một thời gian ngắn. Bản thân anh N vẫn không thay đổi và ham chơi nên rồi không thể hòa hợp được.

Mâu thuẫn ngày càng gay gắt vào đầu năm 2019 chị Đ ly thân khi đang mang thai cháu thứ hai. Sau khi ly thân không ai quan tâm tới ai. Nay chị Đ không còn tình cảm với anh N và có nguyện vọng ly hôn.

Về con chung: Chị Đ và anh N có hai con chung là cháu Bùi Thế V sinh ngày 07/3/2014 hiện nay đang ở với anh N và ông bà nội, cháu Bùi Nhật H sinh ngày 13/6/2019 hiện nay đang ở với chị Đ. Khi ly hôn chị Đ có nguyện vọng mỗi người nuôi một cháu. Cháu Bùi Nhật H còn nhỏ chị Đ mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chị tự nguyện để anh N tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bùi Thế V

Về tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Bị đơn: Anh Bùi Văn N đã được thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc.

Tại biên bản xác minh ngày 26 tháng 3 năm 2021, mẹ đẻ anh N cho biết anh N đã nhận được thông báo và các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh N có trao đổi với gia đình do công việc nên anh không thể về được. Bản thân anh N không còn tình cảm với chị Đ và tự nguyện đồng ý ly hôn. Về con chung mỗi người nuôi một cháu, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản và nợ chung: Không có

Sau khi nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử chị Bùi Thị Đ có đơn xin xử vắng mặt, anh Bùi Văn N được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền và trình tự tố tụng thẩm phán, thư ký, HĐXX thực hiện đúng đủ theo quy định của BLTTDS.

Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Đề nghị HĐXX xử cho chị Bùi Thị Đ ly hôn anh Bùi Văn N . Về con chung đề nghị giao cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bùi Nhật H , sinh ngày 13/6/2019 cho đến tuổi thành niên, giao cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Thế V sinh ngày 07/3/2014 cho đến tuổi thành niên, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc chị Bùi Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định, trình tự của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các quyết định tố tụng vắng mặt không có lý do. HĐXX vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.] *Về hôn nhân*: Chị Bùi Thị Đ và anh Bùi văn N tự do tìm hiểu, tự nguyện lấy nhau. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Lương Trung, huyện Bá Thước nên hôn nhân của anh chị hợp pháp. Chị Đ không còn tình cảm với anh Niên và thiết tha xin ly hôn.

Thực trạng hôn nhân giữa chị Đ và anh N Anh chị đã ly thân, bản thân anh N không mong muốn đoàn tụ và cũng không còn tình cảm vợ chồng, đồng ý ly hôn nhưng không đến tham gia phiên tòa .

HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đ và anh N đã đến mức trầm trọng vì anh chị không còn tình cảm với nhau và đã ly thân. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn và xử cho chị Bùi Thị Đ ly hôn anh Bùi Văn N

[3]. *Về con chung*. Chị Bùi Thị Đ và anh Bùi Văn N có 02 con chung. Cháu Bùi Thế V sinh ngày 07/3/2014 hiện nay đang ở với anh N và ông bà nội, cháu Bùi Nhật H sinh ngày 13/6/2019 hiện nay đang ở với chị Đ. Khi ly hôn chị Đ có nguyện vọng mỗi người nuôi một cháu. Cháu Bùi Nhật H còn nhỏ chị Đ mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chị tự nguyện để anh N tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bùi Thế V. Xét nguyện vọng của chị Đ là hợp lý và được chấp nhận.

[4]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Đ và anh N đều trình bày không có nên HĐXX không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Chị Đ phải chịu án phí ly hôn theo quy định là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng)

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. -Căn cứ : Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 227; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27, Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị Đ. Xử cho chị Bùi Thị Đ ly hôn anh Bùi Văn N.

3. *Về con chung*: Giao cháu Cháu Bùi Thế V sinh ngày 07/3/2014 cho anh Bùi Văn N nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên, giao cháu Bùi Nhật H sinh ngày 13/6/2019 cho chị Bùi Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Chị Bùi Thị Đ và anh Bùi Văn N có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

4. *Về án phí*: Chị Bùi Thị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Đ đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0007529 ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa (chị Đ đã nộp đủ).

Án sơ thẩm vắng mặt các đương sự, các đương sự được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt án hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH
- Lưu hồ sơ

**T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Quyên**